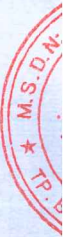


## **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021





**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>1 – 2</b>
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	<b>3 – 4</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
<b>Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021</b>	<b>5 – 6</b>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</b>	<b>7</b>
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</b>	<b>8 – 9</b>
<b>Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc</b>	<b>10 – 28</b>

23  
CỘ  
CỘ  
ĐỒI  
N H



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Phạm Thuyên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Nhiễm	Phó Chủ tịch
Ông Đào Đình Đề	Thành viên
Ông Liu Chien Hung	Thành viên
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thùy Liên	Thành viên
Bà Trịnh Thị Ngọc Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Nhiễm	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phạm Thuyên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	Phó Tổng Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Đức Nhiên**

**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 09 tháng 09 năm 2021



Số: 46/2021/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai, được lập ngày 09 tháng 09 năm 2021, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem tiếp trang sau)*



**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Kết luận của kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 09 năm 2021**

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>67.069.650.890</b>	<b>61.240.873.883</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>6.808.448.198</b>	<b>11.088.434.840</b>
1. Tiền	111		2.808.448.198	5.088.434.840
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	6.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>36.519.506.595</b>	<b>32.041.382.133</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	35.815.376.323	32.331.393.177
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.214.055.700	152.194.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.571.768.834	1.639.489.218
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.081.694.262)	(2.081.694.262)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.7</b>	<b>23.738.553.039</b>	<b>17.987.717.064</b>
1. Hàng tồn kho	141		24.074.516.303	18.323.680.328
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(335.963.264)	(335.963.264)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.143.058</b>	<b>123.339.846</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	3.143.058	123.339.846
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.492.100.498</b>	<b>10.845.132.638</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.133.060.000</b>	<b>1.133.060.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	1.133.060.000	1.133.060.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.515.160.498</b>	<b>4.462.771.867</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	3.515.160.498	4.462.771.867
Nguyên giá	222		31.158.217.870	31.158.217.870
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.643.057.372)	(26.695.446.003)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.019.000.000</b>	<b>5.019.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	5.019.000.000	5.019.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>824.880.000</b>	<b>230.300.771</b>
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.27	824.880.000	230.300.771
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>77.561.751.388</b>	<b>72.086.006.521</b>

(Xem tiếp trang sau)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>35.271.300.462</b>	<b>29.550.158.447</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>34.553.609.912</b>	<b>28.882.467.897</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	15.712.223.302	13.183.093.817
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		29.511.518	141.810.536
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	880.452.436	786.781.121
4. Phải trả người lao động	314		5.037.240.241	5.481.478.067
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	11.362.196.132	6.481.248.168
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	34.459.905
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.531.986.283	2.773.596.283
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>717.690.550</b>	<b>667.690.550</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		717.690.550	667.690.550
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>42.290.450.926</b>	<b>42.535.848.074</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.12	<b>42.290.450.926</b>	<b>42.535.848.074</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.182.180.000	15.182.180.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.182.180.000	15.182.180.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.986.402.645	14.986.402.645
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.518.200.000	1.518.200.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.603.668.281	10.849.065.429
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		6.294.411.429	3.375.822.327
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.309.256.852	7.473.243.102
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>77.561.751.388</b>	<b>72.086.006.521</b>



*Nguyễn Đức Nhiên*  
**Nguyễn Đức Nhiên**  
 Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 09 năm 2021

*Huỳnh Thị Thanh Hương*  
**Huỳnh Thị Thanh Hương**  
 Kế toán trưởng

*Nguyễn Bắc Trung*  
**Nguyễn Bắc Trung**  
 Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.14	73.022.192.172	74.275.305.181
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.15	7.379.894.767	7.632.603.756
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		65.642.297.405	66.642.701.425
4. Giá vốn hàng bán	11	4.16	45.802.630.477	50.033.609.191
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.839.666.928	16.609.092.234
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		92.122.584	403.544.802
7. Chi phí tài chính	22	4.17	1.321.621.796	1.685.538.552
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	175.869.730
8. Chi phí bán hàng	25	4.18	6.942.359.280	5.280.208.569
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.19	7.311.643.775	5.968.832.812
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.356.164.661	4.078.057.103
11. Thu nhập khác	31	4.20	1.360.802.709	1.233.447.892
12. Chi phí khác	32		295.788.705	261.449.852
13. Lợi nhuận khác	40		1.065.014.004	971.998.040
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.421.178.665	5.050.055.143
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.22	1.706.501.042	1.736.170.438
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	4.23	(594.579.229)	(768.402.865)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.309.256.852	4.082.287.570
18. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.12.4	2.327	2.205



**Nguyễn Đức Nhiên**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 09 tháng 09 năm 2021

**Huỳnh Thị Thanh Hương**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Bắc Trung**  
**Người lập biểu**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.421.178.665	5.050.055.143
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.21	947.611.369	1.149.230.369
Các khoản dự phòng	03		-	(58.000.000)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(90.026.428)	(397.619.562)
Chi phí lãi vay	06		-	175.869.730
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>6.278.763.606</b>	<b>5.919.535.680</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.476.028.306)	(3.639.836.384)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.750.835.975)	(2.279.892.291)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.042.796.559	(1.299.033.140)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(175.869.730)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(1.586.304.254)	(1.776.680.282)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.184.610.000)	(828.575.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>1.323.781.630</b>	<b>(4.080.351.147)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.139.140.700)	(637.231.320)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		90.026.428	397.619.562
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>(1.049.114.272)</b>	<b>1.760.388.242</b>

(Xem tiếp trang sau)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	16.257.580.997
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(11.867.228.581)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.12.1	(4.554.654.000)	(3.795.545.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.554.654.000)</b>	<b>594.807.416</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(4.279.986.642)</b>	<b>(1.725.155.489)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.088.434.840	4.871.978.130
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	4.1	<b>6.808.448.198</b>	<b>3.146.822.641</b>



*Nguyễn Đức Nhiên*  
 Nguyễn Đức Nhiên  
 Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 09 năm 2021

*Huỳnh Thị Thanh Hương*  
 Huỳnh Thị Thanh Hương  
 Kế toán trưởng

*Nguyễn Bắc Trung*  
 Nguyễn Bắc Trung  
 Người lập biểu



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là nhà máy Sơn Đồng Nai (Doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công nghiệp Đồng Nai). Ngày 13 tháng 12 năm 1999, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600451024 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 04 năm 2020 để thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 205 (31/12/2020: 203).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo;
- Xuất nhập khẩu, nguyên liệu và sản phẩm liên quan đến sơn và keo;
- Dịch vụ thi công về sơn; và
- Xây dựng nhà các loại và các công trình kỹ thuật dân dụng khác.

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2021 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Bắc Ninh	Khu công nghiệp Yên Phong, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Bắc Ninh

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2020.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	650.427.070	401.802.785
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.158.021.128	4.686.632.055
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.808.448.198</b>	<b>11.088.434.840</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất 3%/năm.

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN SON ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	4.200.000.000	16.212.000.000 (1)	-	4.200.000.000	13.440.000.000 (1)	-
Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	819.000.000	- (2)	-	819.000.000	- (2)	-
<b>Cộng</b>	<b>5.019.000.000</b>			<b>5.019.000.000</b>		

(1) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Sonadezi Châu Đức trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán HOSE và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 30/06/2021.

(2) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Cty TNHH Akzo Nobel Coatings Việt Nam	5.551.495.949	4.839.952.184
Công Ty TNHH PPG Việt Nam	3.481.612.094	2.920.645.809
Các khách hàng khác (*)	26.782.268.280	24.570.795.184
<b>Cộng</b>	<b>35.815.376.323</b>	<b>32.331.393.177</b>

(\*) Tại ngày 30/6/2021, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH Toyota Biên Hòa	1.139.140.700	-
Các nhà cung cấp khác	74.915.000	152.194.000
<b>Cộng</b>	<b>1.214.055.700</b>	<b>152.194.000</b>

**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn:</b>				
Phải thu người lao động	83.200.971	-	187.873.891	-
Phải thu khác (*)	1.488.567.863	-	1.451.615.327	-
<b>Cộng</b>	<b>1.571.768.834</b>	<b>-</b>	<b>1.639.489.218</b>	<b>-</b>

**Dài hạn:**

Ký cược, ký quỹ	1.133.060.000	-	1.133.060.000	-
-----------------	---------------	---	---------------	---

(\*) Tại ngày 30/6/2021, phải thu khác có số dư mỗi khoản dưới 10% tổng số phải thu khác ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.081.694.262	-	2.081.694.262	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Cửa hàng Nguyễn Văn Sơn	1.096.000.000	-	1.096.000.000	-
Công ty TNHH TM & XD Minh Khôi	367.017.470	-	367.017.470	-
Các khách hàng khác	618.676.792	-	618.676.792	-
<b>Cộng</b>	<b>2.081.694.262</b>	<b>-</b>	<b>2.081.694.262</b>	<b>-</b>

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.711.413.007	(189.481.343)	7.932.452.953	(189.481.343)
Công cụ, dụng cụ	662.371.955	-	622.675.748	-
Bán thành phẩm	574.136.217	-	582.161.734	-
Thành phẩm	12.122.497.100	(146.481.921)	9.185.081.382	(146.481.921)
Hàng hóa	4.098.024	-	1.308.511	-
<b>Cộng</b>	<b>24.074.516.303</b>	<b>(335.963.264)</b>	<b>18.323.680.328</b>	<b>(335.963.264)</b>

*(Xem tiếp trang sau)*



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2021	7.953.820.577	16.444.299.376	6.627.837.372	132.260.545	31.158.217.870
Tại ngày 30/06/2021	<b>7.953.820.577</b>	<b>16.444.299.376</b>	<b>6.627.837.372</b>	<b>132.260.545</b>	<b>31.158.217.870</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2021	7.084.452.222	13.556.861.053	5.921.872.183	132.260.545	26.695.446.003
Khấu hao trong kỳ	122.748.264	683.088.582	141.774.523	-	947.611.369
Tại ngày 30/06/2021	<b>7.207.200.486</b>	<b>14.239.949.635</b>	<b>6.063.646.706</b>	<b>132.260.545</b>	<b>27.643.057.372</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2021	869.368.355	2.887.438.323	705.965.189	-	4.462.771.867
Tại ngày 30/06/2021	<b>746.620.091</b>	<b>2.204.349.741</b>	<b>564.190.666</b>	<b>-</b>	<b>3.515.160.498</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.724.628.297 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Việt An Thái Bình Dương	1.892.770.000	1.892.770.000	995.068.800	995.068.800
Công ty TNHH Thương Mại U.C.C	1.865.902.500	1.865.902.500	880.385.000	880.385.000
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	11.953.550.802	11.953.550.802	11.307.640.017	11.307.640.017
<b>Cộng</b>	<b>15.712.223.302</b>	<b>15.712.223.302</b>	<b>13.183.093.817</b>	<b>13.183.093.817</b>

(\*) Tại ngày 30/6/2021, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng dưới 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

**4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	728.359.040	3.225.439.810	3.118.051.131	-	620.970.361
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.143.058	-	1.706.501.042	1.586.304.254	123.339.846	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	152.093.396	376.023.996	389.741.360	-	165.810.760
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.143.058</b>	<b>880.452.436</b>	<b>5.311.964.848</b>	<b>5.098.096.745</b>	<b>123.339.846</b>	<b>786.781.121</b>

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 30/06/2021 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021 VND</b>
Tiền thưởng doanh số đại lý phải trả	2.852.000.000	95.945.000
Chi phí chương trình khuyến mãi phải trả	400.000.000	2.006.000
Chi phí hội nghị khách hàng phải trả	4.924.400.000	4.124.400.000
Trích trước chi phí quảng cáo	2.080.000.000	1.151.503.855
Các khoản phải trả khác	1.105.796.132	1.107.393.313
<b>Cộng</b>	<b>11.362.196.132</b>	<b>6.481.248.168</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.12. Vốn chủ sở hữu****4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND	
Số dư tại ngày 01/01/2020	15.182.180.000	13.262.342.374	1.518.200.000	7.171.367.327	37.134.089.701	
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	4.082.287.570	4.082.287.570	
Chia cổ tức	-	-	-	(3.795.545.000)	(3.795.545.000)	
Số dư tại ngày 30/06/2020	15.182.180.000	13.262.342.374	1.518.200.000	7.458.109.897	37.420.832.271	
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	7.411.447.567	7.411.447.567	
Trích quỹ ĐTPT năm 2020	-	1.724.060.271	-	(1.724.060.271)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020	-	-	-	(2.296.431.764)	(2.296.431.764)	
Số dư tại ngày 01/01/2021	15.182.180.000	14.986.402.645	1.518.200.000	10.849.065.429	42.535.848.074	
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	4.309.256.852	4.309.256.852	
Chia cổ tức	-	-	-	(4.554.654.000)	(4.554.654.000)	
<b>Số dư tại ngày 30/06/2021</b>	<b>15.182.180.000</b>	<b>14.986.402.645</b>	<b>1.518.200.000</b>	<b>10.603.668.281</b>	<b>42.290.450.926</b>	

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Vốn góp của Nhà nước	4.555.440.000	4.555.440.000
Vốn góp của các đối tượng khác	10.626.740.000	10.626.740.000
<b>Cộng</b>	<b>15.182.180.000</b>	<b>15.182.180.000</b>

**4.12.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	1.518.218	1.518.218
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	1.518.218	1.518.218
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.518.218	1.518.218

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.12.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.309.256.852	4.082.287.570
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(775.666.233)	(734.811.763)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	3.533.590.619	3.347.475.807
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1.518.218	1.518.218
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.327</b>	<b>2.205</b>

**4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
<b>Nợ khó đòi đã xử lý:</b>		
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 31/07/2012	260.051.215	260.051.215
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 23/07/2013	333.886.504	333.886.504
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 31/07/2015	1.111.934.750	1.111.934.750



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.14. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Là doanh thu bán hàng phát sinh trong kỳ.

**4.15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Chiết khấu thương mại	7.061.639.437	7.350.996.583
Hàng bán bị trả lại	318.255.330	281.607.173
<b>Cộng</b>	<b>7.379.894.767</b>	<b>7.632.603.756</b>

**4.16. Giá vốn hàng bán**

Là giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán phát sinh trong kỳ.

**4.17. Chi phí tài chính**

Là chi phí chiết khấu thanh toán phát sinh trong kỳ.

**4.18. Chi phí bán hàng**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Chi phí vật liệu, bao bì	478.996.965	437.949.741
Chi phí khấu hao TSCĐ	154.852.449	264.644.587
Chi phí hoạt động xúc tiến thương mại	4.778.615.132	3.165.109.020
Chi phí dịch vụ mua ngoài	266.441.598	253.062.090
Chi phí bằng tiền khác	1.263.453.136	1.159.443.131
<b>Cộng</b>	<b>6.942.359.280</b>	<b>5.280.208.569</b>

**4.19. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Chi phí lương nhân viên quản lý	4.274.002.502	3.477.821.398
Chi phí vật liệu quản lý	220.865.364	188.820.696
Chi phí đồ dùng văn phòng	126.324.676	189.500.513
Chi phí khấu hao TSCĐ	62.858.340	62.858.340
Thuế, phí và lệ phí	81.924.238	110.112.749
Chi phí dự phòng	-	(58.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	436.025.949	325.561.356
Chi phí bằng tiền khác	2.109.642.706	1.672.157.760
<b>Cộng</b>	<b>7.311.643.775</b>	<b>5.968.832.812</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.20. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ cho thuê và quản lý kho	775.601.000	733.323.000
Thu nhập từ bán dung môi vệ sinh	126.360.000	188.895.000
Thu nhập từ xử lý vật tư, hàng hóa thừa	320.271.639	273.593.910
Thu nhập khác	138.570.070	37.635.982
<b>Cộng</b>	<b>1.360.802.709</b>	<b>1.233.447.892</b>

**4.21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.471.304.249	28.495.932.035
Chi phí nhân công	16.275.354.188	12.854.846.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	947.611.369	1.149.230.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.790.400.199	12.717.334.295
Chi phí khác bằng tiền	5.504.143.241	6.650.368.052
<b>Cộng</b>	<b>62.988.813.246</b>	<b>61.867.711.639</b>

**4.22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	5.421.178.665	5.050.055.143
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	4.262.830.400	4.563.718.487
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.151.503.855)	(932.921.440)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	8.532.505.210	8.680.852.190
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>1.706.501.042</b>	<b>1.736.170.438</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không hợp lý, hợp lệ, không hóa đơn, chứng từ; chi phí trích trước đến kỳ hạn vẫn chi không hết...



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong kỳ và năm trước được trình bày như sau:

	<b>Chi phí trả trước VND</b>
Tại ngày 01/01/2020	(119.391.680)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(110.909.091)
Tại ngày 01/01/2021	(230.300.771)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh kỳ này	(594.579.229)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>(824.880.000)</b>

*(Xem tiếp trang sau)*



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.24. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn các loại
- Gia công sơn

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu thuần</b>						
Từ khách hàng	44.384.310.234	45.006.643.583	21.257.987.171	21.636.057.842	65.642.297.405	66.642.701.425
bên ngoài						
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Kết quả của bộ phận	153.812.707	2.675.055.994	5.431.851.166	2.684.994.859	5.585.663.873	5.360.050.853
Doanh thu tài chính					92.122.584	403.544.802
Chi phí tài chính					(1.321.621.796)	(1.685.538.552)
Thu nhập khác					1.360.802.709	1.233.447.892
Chi phí khác					(295.788.705)	(261.449.852)
Lợi nhuận trước thuế					5.421.178.665	5.050.055.143
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(1.111.921.813)	(967.767.573)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>4.309.256.852</b>	<b>4.082.287.570</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****Các thông tin khác**

	Sản xuất sơn các loại		Giá công sơn		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tài sản của bộ phận	52.468.355.937	43.321.918.487	12.029.344.981	11.831.575.023	64.497.700.918	55.153.493.510
Tài sản không phân bổ					13.064.050.470	16.932.513.011
<b>Tổng tài sản</b>					<b>77.561.751.388</b>	<b>72.086.006.521</b>
	Sản xuất sơn các loại		Giá công sơn		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Nợ phải trả của bộ phận	15.741.734.820	13.359.364.258	-	-	15.741.734.820	13.359.364.258
Nợ phải trả không phân bổ					19.529.565.642	16.190.794.189
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>35.271.300.462</b>	<b>29.550.158.447</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Sản xuất sơn các loại	Gia công sơn		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ	-	637.231.320	-	637.231.320
Chi phí khấu hao trong kỳ	807.317.655	1.007.256.381	140.293.714	141.973.988
			947.611.369	1.149.230.369

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.25. Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- |   |                                 |
|---|---------------------------------|
| 1. Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi) | Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc                          | Nhân sự quản lý chủ chốt        |

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Trả cổ tức:		
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	1.366.632.000	1.138.860.000

Thù lao của Hội đồng quản trị được hưởng trong kỳ chi tiết như sau:

<u>Họ và Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Ông Nguyễn Phạm Thuyền	Chủ tịch – bổ nhiệm ngày 10/04/2020	70.330.000	14.810.000
Ông Trịnh Minh Trương	Chủ tịch – miễn nhiệm ngày 10/04/2020	13.000.000	32.515.000
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Phó Chủ tịch – bổ nhiệm ngày 10/04/2020	58.000.000	13.333.000
Ông Hoàng Thuyền	Phó Chủ tịch – miễn nhiệm ngày 10/04/2020	-	14.288.000
Ông Đào Đình Đê	Thành viên	51.664.000	33.764.000
Ông Liu Chien Hung	Thành viên	51.664.000	33.764.000
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên	51.664.000	33.764.000
<b>Cộng</b>		<b><u>296.322.000</u></b>	<b><u>176.238.000</u></b>

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Họ và Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Tổng Giám đốc – bổ nhiệm ngày 10/04/2020	250.617.000	184.055.000
Ông Trịnh Minh Trương	Tổng Giám đốc – miễn nhiệm ngày 10/04/2020	-	132.412.000
Ông Nguyễn Phạm Thuyền	Phó Tổng Giám đốc – bổ nhiệm ngày 10/04/2020	216.927.000	169.847.000
Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	Phó Tổng Giám đốc – bổ nhiệm ngày 10/04/2020	224.677.000	85.881.000
Ông Hoàng Thuyền	Phó Tổng Giám đốc – miễn nhiệm ngày 10/04/2020	-	13.477.000
<b>Cộng</b>		<b><u>692.221.000</u></b>	<b><u>585.672.000</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.26. Thu nhập Ban kiểm soát**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	115.728.000	71.222.000

**4.27. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động**

Công ty thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 48 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	256.792.820	247.181.428

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Từ 1 năm trở xuống	247.339.716	247.181.428
Trên 1 năm đến 5 năm	686.252.061	686.252.061
Trên 5 năm	3.019.509.068	3.156.759.481
<b>Cộng</b>	<b>3.953.100.847</b>	<b>4.090.192.970</b>

**4.28. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (Covid-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 30/06/2021 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ kế toán. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.



**Nguyễn Đức Nhiên**  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 09 năm 2021

**Huỳnh Thị Thanh Hương**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Bắc Trung**  
Người lập